

HÀNH VI CHIA SẺ TRI THỨC TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: TÁC ĐỘNG TỪ KHÍA CẠNH CÁ NHÂN VÀ TỔ CHỨC

Hà Thị Thuỳ Trang¹, Trần Thị Trang^{1*}, Nguyễn Thanh Hiếu²

¹Trường Đại học Công Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh

²Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

*Tác giả liên hệ: Email: tt.trang@hutech.edu.vn

Ngày nhận: 15/05/2025

Ngày nhận lại: 31/07/2025

Ngày đăng: 25/12/2025

DOI: 10.52932/jfmr.v16i6.939

Phụ lục 1. Thang đo các nhân tố trong mô hình

Biến	Mã hoá	Thang đo	Nguồn
Sự tin tưởng	STT1	1. Tôi tin tưởng thành viên trong nhóm của tôi.	Kmieciak (2021)
	STT2	2. Tôi tin tưởng vào người giám sát/lãnh đạo của tôi.	
	STT3	3. Tôi cảm nhận được sự tin tưởng từ người giám sát/lãnh đạo của tôi.	
	STT4	4. Khi tôi cần thì đồng nghiệp của tôi sẽ có mặt và hỗ trợ tôi.	
	STT5	5. Khi tôi cần thì người giám sát/lãnh đạo của tôi sẽ có mặt và hỗ trợ tôi.	
Tương tác xã hội	TTXH1	1. Trong tổ chức, chúng tôi được khuyến khích làm việc theo nhóm.	Capatina và đtg (2024)
	TTXH2	2. Các thành viên trong tổ chức tích cực trong việc chia sẻ tri thức với tôi.	
	TTXH3	3. Các thành viên trong tổ chức tích cực trong việc hỗ trợ, giúp đỡ với tôi.	
	TTXH4	4. Tôi cảm nhận được tinh thần cộng đồng cao trong tổ chức của tôi.	
Truyền cảm hứng	TCH1	1. Lãnh đạo truyền cảm hứng cho tôi về một tương lai lạc quan.	Al-Husseini và đtg (2021)
	TCH2	2. Lãnh đạo truyền cảm hứng cho tôi về những mục tiêu cần thực hiện.	
	TCH3	3. Lãnh đạo truyền cảm hứng cho tôi về tầm nhìn của công ty trong tương lai.	
	TCH4	4. Lãnh đạo của tôi truyền cảm hứng cho các thành viên trong nhóm.	
Quan tâm cá nhân	QTCN1	1. Lãnh đạo dành thời gian hướng dẫn và đào tạo cho tôi.	Al-Husseini và đtg (2021)
	QTCN2	2. Lãnh đạo đối xử với tôi như một cá nhân riêng biệt thay vì chỉ là một thành viên của nhóm.	
	QTCN3	3. Lãnh đạo xem xét nhu cầu, nguyện vọng, năng lực cá nhân của tôi.	
	QTCN4	4. Lãnh đạo giúp tôi phát triển thế mạnh của bản thân.	
Hệ thống thông tin	HTTT1	1. Hệ thống thông tin của công ty tôi luôn có thể truy cập được.	Mirzaee & Ghaffari (2018)
	HTTT2	2. Hệ thống thông tin của công ty tôi hoạt động chính xác và có tính bảo mật cao.	
	HTTT3	3. Hệ thống thông tin của công ty tôi dễ sử dụng.	
	HTTT4	4. Quyền riêng tư về dữ liệu và thông tin trong hệ thống thông tin của công ty tôi rất cao.	
	PT1	1. Tôi hài lòng với phần thưởng tài chính của công ty tôi.	

Biến	Mã hoá	Thang đo	Nguồn
Phần thưởng	PT2	2. Tôi hài lòng với những phúc lợi tài chính của công ty tôi.	Alqudah và đtg (2023); Capatina và đtg (2024)
	PT3	3. Các phần thưởng như huy hiệu khuyến khích tôi chia sẻ tri thức.	
	PT4	4. Các phần thưởng như bằng vinh danh khuyến khích tôi chia sẻ tri thức.	
	PT5	5. Các phần thưởng như điểm thưởng khuyến khích tôi chia sẻ tri thức.	
Văn hóa tổ chức	VHTC1	1. Trong tổ chức của tôi, các thành viên có thể tiếp cận đến nguồn thông tin khi cần.	Azeem và đtg (2021)
	VHTC2	2. Trong tổ chức của tôi, ý tưởng mới được tin rằng phải được ứng dụng ngay lập tức.	
	VHTC3	3. Trong tổ chức của tôi, các thành viên được tin rằng phải nỗ lực để thực hiện mục tiêu của tổ chức.	
	VHTC4	4. Các luật lệ và hướng dẫn là cần thiết để quản lý các quy trình trong tổ chức của tôi.	
	VHTC5	5. Các thành viên trong tổ chức của tôi tuân theo các luật lệ và chuẩn mực không chính thức.	
Chia sẻ tri thức	KS1	1. Chia sẻ tri thức từ các thành viên luôn được thực hiện khi tôi có nhu cầu.	Al-Husseini và đtg (2021)
	KS2	2. Các thành viên trong tổ chức của tôi chia sẻ các kỹ năng với nhau.	
	KS3	3. Các thành viên trong tổ chức chia sẻ những vấn đề và hỗ trợ lẫn nhau.	
	KS4	4. Khi các thành viên học được một kỹ năng và chuyên môn mới thì họ sẽ chia sẻ với tôi.	

Phụ lục 2. Thống kê mẫu nghiên cứu

Đặc điểm mẫu	Số lượng	Tỷ trọng
Giảng viên	225	48,60%
Sinh viên	238	51,40%
Nam	198	42,76%
Nữ	265	57,24%
Dưới 20 tuổi	60	12,96%
20 - 30	208	44,92%
30 - 40	89	19,22%
Từ 40 tuổi trở lên	106	22,89%
Tổng	463	100%

Phụ lục 3. Đánh giá độ tin cậy của thang đo**Thang đo Sự tin tưởng****Reliability Statistics**

Cronbach's Alpha	N of Items
.843	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
STT1	14.2138	5.991	.681	.803
STT2	14.3974	5.816	.520	.856
STT3	14.1771	6.172	.686	.803
STT4	14.2052	5.813	.680	.802
STT5	14.2117	5.808	.723	.791

Thang đo Tương tác xã hội**Reliability Statistics**

Cronbach's Alpha	N of Items
.877	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item- Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
TTXH1	10.6825	4.897	.716	.851
TTXH2	10.8229	4.172	.777	.829
TTXH3	10.7516	4.525	.768	.830
TTXH4	10.6501	5.059	.696	.859

Thang đo Truyền cảm hứng

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.823	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item- Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
TCH1	11.5788	4.920	.704	.750
TCH2	11.6177	4.964	.654	.773
TCH3	11.4989	4.852	.754	.727
TCH4	11.7495	5.760	.486	.846

Thang đo Quan tâm cá nhân

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.861	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item- Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
QTCN1	10.8207	4.377	.712	.821
QTCN2	11.0086	4.299	.709	.822
QTCN3	10.9827	4.337	.761	.802
QTCN4	10.8855	4.413	.652	.846

Thang đo Hệ thống thông tin**Reliability Statistics**

Cronbach's Alpha	N of Items
.851	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
HTTT1	11.7192	5.324	.655	.827
HTTT2	11.6652	5.587	.684	.817
HTTT3	11.9179	4.920	.748	.786
HTTT4	11.9395	5.001	.688	.814

Thang đo Phần thưởng**Reliability Statistics**

Cronbach's Alpha	N of Items
.864	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
PT1	14.0151	6.197	.640	.846
PT2	14.0281	5.984	.704	.830
PT3	14.0907	5.897	.745	.820
PT4	14.1382	5.968	.690	.833
PT5	14.1382	6.059	.640	.846

Thang đo Văn hoá tổ chức**Reliability Statistics**

Cronbach's Alpha	N of Items
.888	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item- Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
VHTC1	13.4125	8.563	.762	.856
VHTC2	13.4816	8.514	.708	.869
VHTC3	13.4255	8.457	.794	.848
VHTC4	13.4104	8.684	.760	.856
VHTC5	13.3974	9.266	.622	.887

Thang đo Chia sẻ tri thức

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.824	4

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item- Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
KS1	10.9914	4.130	.659	.774
KS2	11.0410	4.658	.519	.837
KS3	11.0216	4.458	.551	.825
KS4	10.9870	4.121	.937	.666

Phụ lục 3. Phân tích nhân tố khám phá

Phụ lục 3. Phân tích nhân tố khám phá

	Nhân tố						
	VHTC	PT	STT	TTXH	HTTT	QTCN	TCH
VHTC1	0,837		0,104			0,131	
VHTC4	0,836	-0,103	0,112			0,127	0,112
VHTC3	0,808			0,112		0,261	0,109
VHTC5	0,746					0,116	0,143
VHTC2	0,728		0,127	0,118		0,343	
PT3		0,816	0,132	0,107			0,141
PT1		0,795		0,150			
PT2		0,763	0,175	0,206			0,130
PT4		0,722	0,285	0,110		0,144	0,125
PT5	-0,125	0,690	0,231	0,197			
STT5	0,115	0,136	0,821				
STT1	0,218		0,798			0,101	
STT4		0,174	0,791				
STT3	0,152	0,183	0,768				0,209
STT2		0,182	0,650	0,147	0,104		
TTXH3			0,119	0,878	0,105		
TTXH2		0,194		0,841	0,165		0,112
TTXH4		0,252		0,772	0,124		0,111
TTXH1	0,123	0,390		0,703	0,228		
HTTT3				0,108	0,858		
HTTT2					0,842		
HTTT4		0,140		0,235	0,785		
HTTT1			0,111	0,163	0,773	0,116	
QTCN2	0,171			0,114		0,844	
QTCN3	0,199					0,837	
QTCN4	0,203	0,119				0,762	
QTCN1	0,364				0,123	0,728	0,157
TCH3							0,870
TCH1		0,159	0,109		0,103		0,821
TCH2				0,171		0,176	0,799
TCH4	0,190	0,108			-0,129		0,662
Eigenvalues	6,979	4,587	2,971	2,792	2,294	1,970	1,187
Tổng phương sai trích (%)	11,513	22,449	32,996	42,402	51,653	60,903	69,693
KMO	0,792						

KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.	.792
Approx. Chi-Square	8521.693
Bartlett's Test of Sphericity df	465
Sig.	.000

Total Variance Explained

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	6.643	21.428	21.428	6.643	21.428	21.428	3.569	11.513	11.513
2	4.367	14.087	35.515	4.367	14.087	35.515	3.390	10.936	22.449
3	2.853	9.202	44.717	2.853	9.202	44.717	3.269	10.547	32.996
4	2.648	8.541	53.258	2.648	8.541	53.258	2.916	9.406	42.402
5	2.078	6.703	59.961	2.078	6.703	59.961	2.868	9.251	51.653
6	1.883	6.073	66.033	1.883	6.073	66.033	2.868	9.250	60.903
7	1.135	3.660	69.693	1.135	3.660	69.693	2.725	8.790	69.693
8	.795	2.563	72.256						
9	.758	2.444	74.700						
10	.701	2.261	76.961						
11	.661	2.131	79.092						
12	.594	1.916	81.007						
13	.535	1.726	82.733						
14	.505	1.631	84.364						
15	.474	1.529	85.892						
16	.461	1.487	87.379						
17	.407	1.312	88.691						
18	.387	1.247	89.938						
19	.370	1.195	91.133						
20	.344	1.108	92.241						
21	.318	1.024	93.266						
22	.303	.979	94.244						
23	.283	.914	95.158						
24	.274	.885	96.043						
25	.224	.723	96.766						

26	.214	.691	97.457					
27	.188	.607	98.064					
28	.179	.577	98.641					
29	.167	.538	99.179					
30	.137	.441	99.620					
31	.118	.380	100.000					

Extraction Method: Principal Component Analysis.

Rotated Component Matrix^a

	Component						
	1	2	3	4	5	6	7
VHTC1	.837		.104			.131	
VHTC4	.836	-.103	.112			.127	.112
VHTC3	.808			.112		.261	.109
VHTC5	.746					.116	.143
VHTC2	.728		.127	.118		.343	
PT3		.816	.132	.107			.141
PT1		.795		.150			
PT2		.763	.175	.206			.130
PT4		.722	.285	.110		.144	.125
PT5	-.125	.690	.231	.197			
STT5	.115	.136	.821				
STT1	.218		.798			.101	
STT4		.174	.791				
STT3	.152	.183	.768				.209
STT2		.182	.650	.147	.104		
TTXH3			.119	.878	.105		
TTXH2		.194		.841	.165		.112
TTXH4		.252		.772	.124		.111
TTXH1	.123	.390		.703	.228		
HTTT3				.108	.858		
HTTT2					.842		
HTTT4		.140		.235	.785		
HTTT1			.111	.163	.773	.116	
QTCN2	.171			.114		.844	
QTCN3	.199					.837	
QTCN4	.203	.119				.762	
QTCN1	.364				.123	.728	.157
TCH3							.870
TCH1		.159	.109		.103		.821
TCH2				.171		.176	.799

TCH4	.190	.108			-.129		.662
------	------	------	--	--	-------	--	------

Extraction Method: Principal Component Analysis.

Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization.

a. Rotation converged in 7 iterations.

Phụ lục 4. Kết quả tương quan

		Correlations					
		QTCN	VHTC	PT	STT	TCH	TTXH
QTCN	Pearson Correlation	1	.491**	.178**	.145**	.204**	.069
	Sig. (2-tailed)		.000	.000	.002	.000	.137
	N	463	463	463	463	463	463
VHTC	Pearson Correlation	.491**	1	-.016	.233**	.215**	.135**
	Sig. (2-tailed)	.000		.725	.000	.000	.004
	N	463	463	463	463	463	463
PT	Pearson Correlation	.178**	-.016	1	.373**	.238**	.438**
	Sig. (2-tailed)	.000	.725		.000	.000	.000
	N	463	463	463	463	463	463
STT	Pearson Correlation	.145**	.233**	.373**	1	.102*	.137**
	Sig. (2-tailed)	.002	.000	.000		.028	.003
	N	463	463	463	463	463	463
TCH	Pearson Correlation	.204**	.215**	.238**	.102*	1	.204**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.028		.000
	N	463	463	463	463	463	463
TTXH	Pearson Correlation	.069	.135**	.438**	.137**	.204**	1
	Sig. (2-tailed)	.137	.004	.000	.003	.000	
	N	463	463	463	463	463	463
HTTT	Pearson Correlation	.077	.036	.163**	.175**	.062	.347**
	Sig. (2-tailed)	.096	.445	.000	.000	.180	.000
	N	463	463	463	463	463	463
KS	Pearson Correlation	.511**	.475**	.454**	.433**	.432**	.407**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.000	.000	.000	.000
	N	463	463	463	463	463	463

**. Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

*. Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed).

Phụ lục 5. Hồi quy tuyến tính

Model Summary^b

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.790 ^a	.624	.619	.41691	2.014

a. Predictors: (Constant), VHTC, PT, HTTT, TCH, STT, QTCN, TTXH

b. Dependent Variable: KS

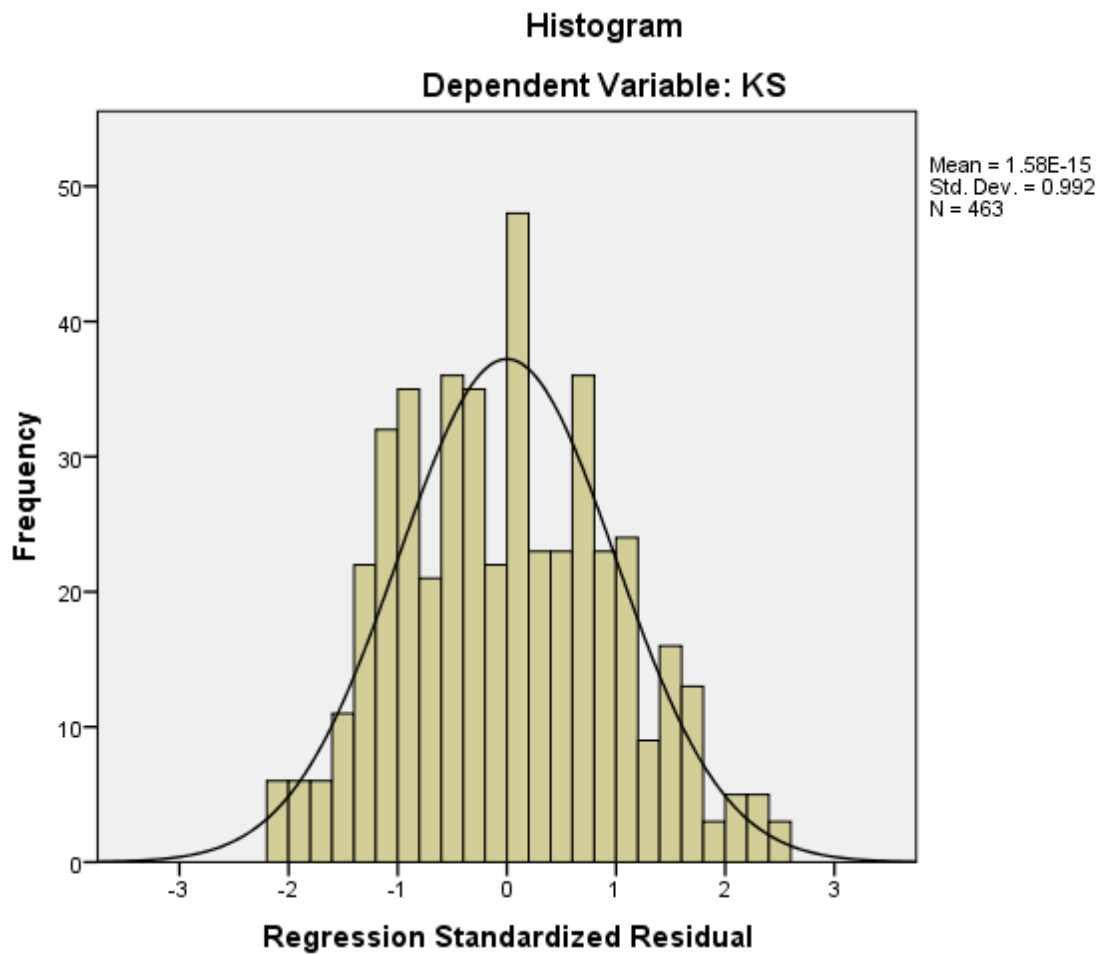
Coefficients^a

Model	Unstandardized Coefficients	Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics
-------	-----------------------------	---------------------------	---	------	-------------------------

	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1 (Constant)	-1.427	.191		-7.478	.000		
STT	.224	.037	.198	6.082	.000	.776	1.289
TTXH	.139	.033	.145	4.189	.000	.686	1.458
TCH	.205	.028	.223	7.296	.000	.883	1.132
QTCN	.266	.034	.268	7.838	.000	.705	1.418
HTTT	.144	.028	.158	5.086	.000	.853	1.172
PT	.217	.041	.194	5.332	.000	.625	1.599
VHTC	.211	.033	.227	6.377	.000	.653	1.533

a. Dependent Variable: KS

Charts



Normal P-P Plot of Regression Standardized Residual

Dependent Variable: KS

